

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số phiếu: NT.1389/24.06.2026_KQ

- Tên khách hàng : Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Sao Đỏ
- Địa chỉ : Khu phi thuế quan và Khu công nghiệp Nam Đình Vũ (khu 1), phường Đông Hải, thành phố Hải Phòng
- Địa điểm quan trắc : Khu phi thuế quan và Khu công nghiệp Nam Đình Vũ (khu 1), phường Đông Hải, thành phố Hải Phòng
- Loại mẫu : Nước thải Số lượng mẫu: 01
- Ngày lấy mẫu : 01/06/2026
- Thời gian phân tích : 01/06/2026 đến ngày 24/06/2026

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả phân tích (NT)	KCN Nam Đình Vũ	QCVN 40: 2011/BTNMT (cột B-C _{max})
1.	Nhiệt độ	°C	SMEWW 2550B:2023	32	45	40
2.	pH	-	TCVN 6492:2011	7,8	5 - 9	5,5÷9
3.	Độ màu	Pt/Co	TCVN 6185:2015	24	170	150
4.	BOD ₅	mg/L	TCVN 6001-1:2021	16	300	65
5.	COD	mg/L	SMEWW 5220C:2023	38	500	195
6.	TSS	mg/L	TCVN 6625:2000	13	200	130
7.	Tổng N	mg/L	TCVN 6638:2000	10,7	80	52
8.	Amoni (NH ₄ ⁺ -N)	mg/L	TCVN 6179-1:1996	3,21	20	13
9.	Tổng P	mg/L	TCVN 6202:2008	1,74	8	7,8
10.	Tổng phenol	mg/L	TCVN 6216:1996	<0,001	0,5	0,65
11.	Xyanua (CN ⁻)	mg/L	SMEWW 4500-CN.C&E:2023	<0,002	0,1	0,13
12.	Sulfua (S ₂ ⁻)	mg/L	TCVN 6637:2000	0,11	0,5	0,65
13.	Cr(VI)	mg/L	SMEWW 3500-Cr.B:2023	<0,003	0,1	0,13
14.	Cu	mg/L	SMEWW 3111B:2023	<0,03	2	2,6
15.	Ni	mg/L	SMEWW 3113B:2023	<0,02	0,5	0,65
16.	Zn	mg/L	SMEWW 3111B:2023	<0,02	3	3,9
17.	Mn	mg/L	SMEWW 3113B:2023	<0,004	1	1,3
18.	As	mg/L	SMEWW 3114B:2023	<0,001	0,1	0,13
19.	Cd	mg/L	SMEWW 3113B:2023	<0,0001	0,1	0,13

- "-": Không quy định

- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm

- Quá thời gian lưu mẫu, Công ty không giải quyết việc khiếu nại về kết quả thử nghiệm

- Không được sao chép một phần kết quả phân tích nếu không được sự đồng ý của Công ty

20.	Pb	mg/L	SMEWW 3113B:2023	<0,001	0,5	0,65
21.	Hg	mg/L	SMEWW 3112B:2023	<0,00015	0,01	0,013
22.	Fe	mg/L	TCVN 6177:1996	0,15	5	6,5
23.	Florua	mg/L	SMEWW 4500-F- .B&D:2023	0,31	10	13
24.	Clo dư	mg/L	TCVN 6225- 3:2011	0,4	2	2,6
25.	Cr ³⁺	mg/L	SMEWW 3113B:2023+ SMEWW 3500- Cr.B:2023	<0,003	1	1,3
26.	Tổng hoạt độ phóng xạ α(*)	Bq/L	SMEWW 7110B:2023	KPH (MDL=0,004)	0,1	0,1
27.	Tổng hoạt độ phóng xạ β(*)	Bq/L	SMEWW 7110B:2023	KPH (MDL=0,04)	1,0	1,0
28.	Dầu mỡ khoáng	mg/L	SMEWW 5520B&F:2023	1,4	10	13
29.	Coliform	MPN/ 100ml	SMEWW 9221B:2023	2.200	7.500	5.000

Ghi chú:

- Vị trí lấy mẫu:

NT: Nước thải sau hệ thống xử lý nước thải tập trung khu công nghiệp - Khu phía Nam. Tọa độ: X(m)= 2300600; Y(m)= 612544. Mã hoá: 18.010626

- Quy chuẩn so sánh:

+ **KCN Nam Đình Vũ:** Giá trị giới hạn tiêu chuẩn nước thải đầu vào của hệ thống xử lý tập trung của KCN Nam Đình Vũ đối với các doanh nghiệp.

+ **QCVN 40:2011/BTNMT:** Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp. Cột B quy định giá trị C (mg/L) của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả vào nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt. Giá trị $C_{max} = C \times K_q \times K_f$ với $K_f = 1$, $K_q = 1,3$.

- Thông tin khác:

+ (*): Thông số được thực hiện bởi nhà thầu phụ: Công ty Cổ phần kỹ thuật Điện và Môi trường ASIA GREEN (VIMCERTS 174 – VILAS 1504).

+ KPH: Không phát hiện. MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp.

Hải Phòng, ngày 24 tháng 06 năm 2026

GIÁM ĐỐC



GIÁM ĐỐC
Khánh Minh Thanh

- “-”: Không quy định

- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm

- Quá thời gian lưu mẫu, Công ty không giải quyết việc khiếu nại về kết quả thử nghiệm

- Không được sao chép một phần kết quả phân tích nếu không được sự đồng ý của Công ty